

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

QUYỂN 2

GIẢI THÍCH Y CHỈ TRONG THẮNG TƯỚNG (Tiếp Theo)

PHẨM 1: CHÚNG DANH (Tiếp Theo)

CHƯƠNG 3: CHÚNG DANH

Luận nói: Lại nữa, trong A-hàm của Ma-ha-tăng-kỳ bộ nói do tên sai biệt của A-lại-da thức gọi là Căn bản thức, nên thức này hiển hiện ví như cây nhờ vào gốc rễ.

Giải thích: Vì thức này làm nhân của tất cả thức, là căn bản của các thức, ví như gốc rễ của cây, dựa vào đây mà có cành lá nhánh v.v... nên gọi là gốc rễ của cây. Nếu lìa gốc này thì cành, lá... không thành. Thức này làm căn bản của các thức khác cũng vậy.

Luận nói: Di-sa-tắc bộ cũng lấy tên khác gọi cho thức này là: Cùng tận ấm sinh tử. Tại sao vậy? Hoặc sắc và tâm có khi thấy đoạn tương tục. Trong tâm này, chủng tử của nó không có đoạn tuyệt.

Giải thích: Tại sao nói thức này là sự cùng cực của ấm sinh tử Ấm sinh tử ấm không ra khỏi sắc và tâm. Sắc có khi thì có trong các định liên tục đứt đoạn. Như cõi Vô sắc, tâm cũng có khi có trong các định liên tục đứt đoạn. Như Vô tướng thiên, trong A-lê-da thức, chủng tử của tâm không có đoạn diệt. Tại sao vậy? Do sự huân tập chủng tử này, nên đối với cùng tận của ấm sinh tử hằng tồn tại bất tận. Sau đó sắc và tâm nhờ vào chủng tử này mà sinh trở lại. Vì trước Vô dư Niết-bàn ấm này chưa dứt hết, cho nên gọi là cùng tận ấm sinh tử.

Luận nói: Như vậy, sự nương tựa của ứng tri, A-dà-na và A-lê-da. Chất-đa căn bản thức cùng tận ấm sinh tử v.v...

Giải thích: Ba tên gọi trước được thiết lập riêng trong Đại thừa. Tên gọi Chất-đa được thiết lập chung của Đại thừa và Tiểu thừa. Căn bản thức do Ma-ha-tăng-kỳ bộ lập. Cùng tận ấm sinh tử do Di-sa-tắc bộ

lập. Đẳng (vân vân) tức còn có Chánh Lượng Bộ lập danh là Quả báo thức thì Thượng Toạ bộ đặt tên là Hữu phần thức.

Luận nói: Do các danh này có trong tiểu thừa mà A-lê-da đã trở thành vương lộ (con đường của vua đi).

Giải thích: Do nhiều tên này rộng hiển thị bản thức, cho nên dễ nhìn thấy cũng như đường cái lớn. Đường cái lớn có ba nghĩa: 1. Thẳng tắp không có lối rẽ. 2. Phẳng rộng. 3. Quang minh không chướng ngại. Bản thức cũng như vậy, thẳng tắp không có lối rẽ thí như định vô ngại, phẳng rộng thí như Đại thừa và Tiểu thừa đều hoằng dương nghĩa này, quang minh không chướng ngại thí như dẫn vô lượng đạo lý để chứng thức này, cho nên ví như là đường cái lớn.

Luận nói: Lại có các Sư khác, chấp ba thứ tâm, ý và thức chỉ là tên khác nhau mà nghĩa thì đồng. Nghĩa đó không đúng.

Giải thích: Nghĩa này căn cứ theo tiểu thừa mà chất vấn ngược lại tiểu thừa. Tiểu thừa nói: A-lê-da thức và A-đà-na thức, do tự chấp hẹp hòi, trong đồng nghĩa khác tên lập ra nghĩa khác. Thuyết này không đúng. Tại sao vậy?

Luận nói: Ý và thức đã thấy nghĩa khác nhau, nên biết nghĩa của tâm cũng phải có khác.

Giải thích: Trong tiểu thừa lập ý và thức, danh nghĩa đều khác nhau, Năng liễu biệt gọi là thức. Nếu liễu biệt đã chấm dứt, có khả năng làm phương tiện sinh thức sau thì gọi là ý. Thức do nghĩa liễu biệt. Ý do nghĩa phương tiện sinh. Như trong tiểu thừa hai tên có hai nghĩa. Bản thức có thể không có tên, cho nên biết, tên gọi tâm lẽ ra đặt cho bản thức thì nghĩa này không thể trái nghịch.

Luận nói: Lại có Sư khác chấp là Như Lai nói thế gian ưa thích A-lê-da của thế gian.

Giải thích: Các luận sư của tiểu thừa căn cứ theo tên A-lê-da mà khởi chấp khác nhau. A-lê-da muốn hiển thị nghĩa gì? A-lê-da là yêu say đắm vào cảnh giới.

Luận nói: Như vừa nói thì trong đây có năm thủ uẩn gọi là A-lê-da.

Giải thích: Nghĩa của cảnh yêu say đắm khác nhau. Hoặc chấp là năm thủ ấm, Thủ là tên khác của tham ái. Chính năm ấm mà tham ái bám lấy từ năm ấm gọi là thủ ấm. Thủ ấm này là chỗ ái nhiễm của chúng sinh, gọi là A-lê-da.

Luận nói: Lại có sư khác chấp lạc thọ và dục tương ưng gọi là A-lê-da.

Giải thích: Năm ấm này không phải ái chỗ ái trước (yêu say đắm), hoặc không có lạc thọ đối với lạc thọ, hoặc không có điền đảo, thì làm thế nào sinh ra yêu say đắm năm ấm? Thế nên trong lạc thọ, tâm dục điền đảo chưa diệt. Lạc thọ này là chỗ ái trước (yêu say đắm), vì năm ấm và lạc thọ tương ứng, nói năm thủ ấm là chỗ ái trước, cho nên lạc thọ chính là chỗ ái trước (yêu say đắm).

Luận nói: Lại có luận sư khác, chấp thân kiến cho là A-lê-da.

Giải thích: Hoặc có người nói lạc thọ là chỗ ái trước, thì nghĩa này không đúng. Lạc thọ này do có thể an lạc tự ngã, vì ái tự ngã cho nên mới ái lạc thọ này. Ví như người yêu thích sống lâu cho nên ưa chất dinh dưỡng của sự sống lâu. Như vậy yêu ngã cho nên yêu chất dinh dưỡng của ngã.

Luận nói: Các Sư có những chấp như vậy.

Giải thích: Vì nhiếp các chấp khác cho nên có người nói thọ mạng là nơi ái trước, có người nói đạo là nơi ái trước, có người nói sáu trần là nơi ái trước, có người nói kiến và trần là nơi ái trước.

Luận nói: Mê A-lê-da, do A-hàm và tu đắc cho nên chấp như vậy. **Giải thích:** Như vậy, các luận Sư trong tiểu thừa không hiểu rõ A-lê-da thức. Tại sao không hiểu rõ? Không hiểu rõ có hai thứ, một là do giáo và hai là do hành. Giáo chính là A-hàm của tiểu thừa, vì A-hàm không phán quyết nghĩa của thức này một cách như lý. Dựa vào A-hàm thì mê thức này. Hành chính là đạo thô thiển, vì không có đạo lý để có thể chứng nghĩa của thức này. Vì hạnh cũng mê thức này.

Luận nói: Do tùy theo giáo và hạnh của tiểu thừa, cho nên chỗ lập nghĩa của các luận sư đó không đúng.

Giải thích: Các luận sư nương vào tiểu thừa giáo và là A-lê-da thức mà lập tên riêng, hoặc căn cứ theo tiểu thừa đạo mà suy lường, thì nghĩa này cũng không trúng. Vì Tiểu thừa lý tự làm chỗ trái nghịch của Tất-đàn.

Luận nói: Hoặc có người không mê A-lê-da thức, nhưng căn cứ theo tên gọi của tiểu thừa mà thành lập nghĩa này, thì thức đó rất thù thắng.

Giải thích: Người không mê là Bồ-tát. Do A-hàm và thực hành sự quán sát căn tánh con người, rồi nương vào căn tánh đó mà lập A-hàm. Đối với bậc phẩm dưới thì nói bí mật, đối với bậc phẩm trên thì không có nói bí mật, cho nên có thuyết minh đủ các thức. Do A-hàm này mà Bồ-tát không mê thức này. Do hành, nếu ai tu hành có khả năng hoặc cõi Dục, là thấy tự thân bị hoặc của cõi Sắc trói buộc, cho đến cõi Vô

sắc cũng như thế. Nếu tu hành ra khỏi cõi Vô sắc, thì thấy thân bị trói buộc trong A-lê-da thức. Vì diệt trừ trói buộc này cho nên tu Thập Địa. Do hành thâm thâm của chư Bồ-tát, cho nên không mê thức này. Nếu người có thể hiểu rõ thức này, lấy tên của tiểu thừa làm đề mục cho thức này, thì danh và nghĩa tương xứng, thành lập danh nghĩa rất là thù thắng.

Luận nói: Thế nào là tối thắng?

Giải thích: Vì hiển thị nghĩa của Tiểu thừa có lỗi, trong nghĩa của Đại thừa thì không có lỗi, cho nên Đại thừa an lập là tối thắng. Tiểu thừa có lỗi là thế nào ?

Luận nói: Nếu chấp thủ ấm gọi là A-lê-da, thì trong cõi ác đi theo một đạo, hoàn toàn là nơi nhận khổ sinh trong đó.

Giải thích: Cõi ác tức là bốn cõi ác, tùy trong bốn cõi ác mà đi vào một đạo. Đạo này quyết định là thuần quả báo của nghiệp ác. Vì thọ lãnh các thứ tướng tạp không sót, gọi là nơi hoàn toàn nhận khổ. Trong đó, có khi sinh cảm giác an vui, thì vui này đối với cõi ác không phải quả của quả báo, chỉ có danh tướng tương tự quả. Chỉ lấy khổ thọ làm quả của quả báo, là nơi cõi ác của người tội thọ khổ báo, nói rằng thọ sinh trong đó.

Luận nói: Thủ ấm này rất đáng chán ngán.

Giải thích: Khi sinh khi trụ không thể chịu đựng, cho nên nói đáng chán ghét. Vì trong khổ này hằng khởi ý diệt lìa tham dục, nói: Ta khi nào mới chết, khi nào mới lìa ấm này? Cho nên gọi là ngán.

Luận nói: Trong thủ ấm hoàn toàn không đáng ưa, vì không xứng với đạo lý hỷ lạc của chúng sanh.

Giải thích: Ấm của ác đạo này hoàn toàn là chất dinh dưỡng của khổ não. Tại sao trong đó sinh ái mà trái với đạo lý hỷ lạc? Nếu nói thủ ấm là A-lê-da, thì nghĩa này không thành.

Luận nói: Tại sao vậy? Vì chúng sanh trong đó hằng mong thủ ấm đoạn tuyệt không sinh.

Giải thích: Chúng sanh trong đó do khổ khổ này mà mong ước vui vẻ bị diệt mất, chỉ còn lại ấm. Nguyên vui vẻ khiến cho ấm không sinh lại nữa.

Luận nói: Nếu lạc thọ đó tương ứng với dục, thì từ bậc trụ định thứ tư cho đến cõi trên đều không có thọ này.

Giải thích: Thọ này không ở khắp ba cõi, chỉ có thọ này một phần trong sinh tử.

Luận nói: Nếu người đã đắc thọ này, và do cầu đắc cõi trên thì

liền sinh chán ghét.

Giải thích: Nếu ai đã sinh vào nơi an vui rồi, thì đắc định an vui, thấy vui này thô động, là chỗ phóng dật, khó thành mà dễ hoại, cho nên khởi tâm chán sợ mà cầu đắc tịch tĩnh của cõi trên. Đó là chán ghét vui này, mà đối với nơi an vui sinh khởi lìa tâm dục, đối với trong chỗ không hỷ không lạc thì sinh tâm hỷ lạc.

Luận nói: Cho nên trong đó, hỷ lạc của chúng sanh không xứng đạo lý.

Giải thích: Hoặc lạc không khắp ba cõi, nếu người thọ lạc cầu lìa lạc này, lập lạc này làm nơi ái nhiễm thì không xứng đạo lý.

Luận nói: Hoặc là thân kiến, người trong chánh pháp tin ưa vô ngã, nếu không phải sở ái của người đó thì trong thân kiến đó không sinh hỷ lạc.

Giải thích: Hoặc nói thân kiến là nơi ái trước thì cũng như vậy. Tại sao vậy? Vì người trong Phật pháp, hoặc căn cứ theo Văn tuệ, hoặc căn cứ theo Tư tuệ và tu Tuệ mà tin vô ngã và ưa thích vô ngã, phát nguyện tu đạo vì diệt trừ ngã kiến, cho nên ngã kiến không phải điều mà họ yêu thích. Do cầu trí vô sinh mà khiến cho ngã kiến và ngã ái trong vị lai không sinh trở lại, cho nên trong đó không sinh hỷ lạc. Thân kiến này là cái mà một phần chúng sanh say đắm, một phần chúng sanh không say đắm. Không thể nói thân kiến là nơi yêu say đắm.

Luận nói: A-lê-da thức này, tâm chúng sanh chấp làm tự nội ngã.

Giải thích: Chúng sanh trong sáu đường khởi tâm chấp trước, cho rằng pháp này là ngã, là tự nội ngã. Nội ngã này thanh tịnh tự tại, có thể chứng làm tướng, do ngoại cụ (vật dụng bên ngoài). Hoặc vui hoặc khổ. Người đó đã khởi ngã kiến như vậy.

Luận nói: Nếu hoàn toàn sinh trong đường khổ thì nguyện ấm khổ của người đó vĩnh viễn diệt không khởi.

Giải thích: Người này nếu có nhân duyên nghiệp ác, hoàn toàn đọa trong ác đạo thọ khổ, người đó cho rằng ngã là thanh tịnh, không có biến đổi, do ngoại cụ chỉ có chứng được sự biến đổi và nhiễm ô mà khởi tâm không yêu thích, mong ngã và ngoại cụ vĩnh viễn lìa nhau. Tại sao vậy?

Luận nói: A-lê-da thức bị ngã ái trói buộc, chưa từng có nguyện lạc diệt trừ tự ngã.

Giải thích: Do không hiểu rõ thức này mà duyên theo thức này khởi ngã chấp, do ngã chấp khởi ngã ái, do ngã ái mà không cầu diệt

ngã, vì muốn ngã này an lạc và cầu lìa ngoại cụ.

Luận nói: Từ cõi thứ tư trở lên, chúng sanh thọ sinh, tuy không có lạc nhưng có thọ dục lạc, trong A-lê-da thức thì tự ngã ái đuổi theo không rời.

Giải thích: Trước đã thuyết minh chúng sanh trong đường ác, chỉ có cầu lìa khổ mà không có muốn xả bỏ ngã tâm, trong đây thì thuyết minh chúng sanh đang ở tại xả thọ xứ, không có lạc thọ đáng ưa thích, chán ghét lạc thọ như người trong đường khổ chán vui thọ một khổ, không có nhân duyên trong A-lê-da thức, vì muốn xả ngã ái. A-lê-da thức là nơi ái nhiễm.

Luận nói: Lại nữa, người trong chánh pháp, tuy nguyện lạc vô ngã trái nghịch với thân kiến, nhưng trong A-lê-da thức cũng tự ngã ái.

Giải thích: Phục Thứ (lại nữa) trước là căn cứ theo người ngoài Phật pháp, Phục Thứ (lại nữa) này thì căn cứ theo người trong Phật pháp, tự có ba phẩm: 1. Tại Chánh Tư. 2. Tại Chánh Tu. 3. Tại Hữu Học. Người trong ba phẩm này, có hai người chế phục ngã kiến, có một người diệt ngã kiến. Tại sao vậy? Vì hai người trước do so sánh mà biết vô ngã, một người sau thì do chứng biết vô ngã. Nói trái nghịch thân kiến là trong A-lê-da thức, đã lâu niệm niệm huân tập ngã ái, truy trái nghịch thân kiến, nhưng ngã ái trong Bản thức cũng còn hằng đeo đuổi, cho nên thân kiến không phải nơi ái nhiễm, không nên gọi là A-lê-da.

Luận nói: Lấy A-lê-da an lập nghĩa này thì trở nên tối thắng, đó là thành lập tên A-lê-da.

Giải thích: Do nơi ái nhiễm này, so sánh chỗ chấp danh và nghĩa của chủng tử nên không xứng nhau. Nếu lấy tên này so sánh với nghĩa thứ nhất thì danh nghĩa tương xứng, cho nên dẫn chỗ lập danh đó thành lập bản thức thì trở thành tối thắng. Trong phẩm này tổng nhiếp các danh để dẫn đạo lý và hiển thị các thức, cho nên gọi là Phẩm Chúng danh.
